

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	Tuần 2Tiết 5 : TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN
Hoạt động 1: <i>Đọc văn bản TÔI ĐI HỌC-Thanh Tịnh.</i>	1.Cho biết chủ đề của văn bản Tôi đi học? 2. Gạch chân những từ ngữ , câu văn để làm nổi bật chủ đề của văn bản Tôi đi học?

BÀI GHI CỦA HỌC SINH

CHỦ ĐỀ: TÍNH KẾT TRONG VĂN BẢN TRỮ TÌNH.

Tuần 2Tiết 5 : TÍNH THỐNG NHẤT VỀ CHỦ ĐỀ CỦA VĂN BẢN

I. Chủ đề của văn bản

* Ví dụ: Văn bản *Tôi đi học* (Thanh Tịnh)

- Chủ đề của văn bản: *những kỉ niệm sâu sắc về buổi tựu trường đầu tiên.*

* Nhận xét: Chủ đề của văn bản là đối tượng và vấn đề chính mà văn bản biểu đạt.

II. Tính thống nhất về chủ đề của văn bản :

* Văn bản *Tôi đi học* nói lên **những kỉ niệm của tác giả về buổi tựu trường đầu tiên:**

+Các từ ngữ: đại từ *tôi*, các từ ngữ biểu thị ý nghĩa đi học được lặp lại nhiều lần (trường, đi học, ông đốc..)

+Các chi tiết: Con đường quen đi lại lắm lần,...Cảnh vật đều thay đổi. Không lội qua sông đi thả diều -> đi học,... trường xinh xắn, oai nghiêm như cái đình làng,...nghe gọi tên, giật mình, lúng túng...

=> Các từ ngữ, các câu, đoạn văn góp phần làm rõ chủ đề đã xác định.

*Tính thống nhất về chủ đề của văn bản là sự nhất quán về chủ đề đã xác định, không xa rời hay lạc sang chủ đề khác.

*Tính thống nhất về chủ đề được thể hiện ở các phương diện:

+Hình thức: nhan đề

+ Nội dung: mạch lạc, từ ngữ, chi tiết tập trung làm rõ ý đồ, ý kiến, cảm xúc.

+Đối tượng: xoay quanh nhân vật chính.

* **Ghi nhớ** (SGK/T12)

III. Luyện tập :Bài 1

a/ - Vấn đề: sự gắn bó giữa cuộc sống người dân Thao với rừng cọ.

- Trình tự trình bày đối tượng và vấn đề: từ khái quát đến tả hình dáng chi tiết, rồi sau đó là kỉ niệm gắn bó, cuộc sống què gắn với cây cọ, nỗi nhớ.

- Trình tự sắp xếp đã rất chặt chẽ và thống nhất, rất khó thay đổi được nó.

b + c/ Chủ đề của văn bản: Rừng cọ và sự gắn bó với người dân sông Thao:

- Trong việc miêu tả rừng cọ và cuộc sống người dân:

+ "Chẳng có nơi nào đẹp như sông Thao quê tôi..."

+ "Người sông Thao đi đâu rồi cũng nhớ về rừng cọ quê mình..."

d. Các từ ngữ, các câu tiêu biểu thể hiện chủ đề của văn bản: rừng cọ, cây cọ, thân cọ, búp cọ, lá cọ, chổi cọ, nón lá cọ, mảnh cọ, làn cọ, trái cọ,...

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	Tuần 2Tiết 6 : BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN
Hoạt động 1: <i>Đọc văn bản</i> NGƯỜI THẦY ĐẠO CAO ĐỨC TRỌNG	1. Cho biết bố cục và nội dung của văn bản Người thầy đạo cao đức trọng. 2. Phần thân bài của văn bản được trình bày theo trình tự nào?

BÀI GHI CỦA HỌC SINH

CHỦ ĐỀ: TÍNH LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN TRỮ TÌNH.

Tuần 2Tiết 6: BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN

I. Bố cục của văn bản.

* Văn bản: Người thầy đạo cao đức trọng

- Chủ đề: Người thầy đạo cao đức trọng

- Bố cục gồm 3 phần:

+ Mở bài: Giới thiệu thầy Chu Văn An

+ Thân bài: Chứng minh thầy Chu Văn An là thầy giáo giỏi, tính tình cứng cỏi

+ Kết bài: Tình cảm của mọi người đối với thầy.

* Nhận xét:- *Bố cục của văn bản là sự bố trí sắp xếp các phần, các đoạn văn để thể hiện chủ đề.*

- Văn bản thường có bố cục 3 phần.

II. Cách bố trí, sắp xếp nội dung phần thân bài của văn bản.

1. Văn bản *Tôi đi học*: sắp xếp theo thứ tự thời gian và không gian.

2. Văn bản *Trong lòng mẹ*: Sắp xếp theo diễn biến tâm trạng của bé Hồng.

3. Các trình tự khác:

- Thứ tự chính thể-> bộ phận hoặc tình cảm, cảm xúc. - Thứ tự không gian, thời gian.

4. Văn bản "Người thầy đạo cao đức trọng".

- Đoạn 1: người thầy đạo cao (thầy giáo giỏi)

- Đoạn 2: người thầy đức trọng (cứng cỏi, không màng danh lợi).

* Nhận xét:

Có nhiều cách sắp xếp nội dung phần thân bài: theo trình tự không gian, thời gian, diễn biến tâm trạng, theo mạch suy luận... sao cho phù hợp với sự triển khai của chủ đề và sự tiếp nhận của người đọc.

* Ghi nhớ: SGK/25

III : Luyện tập

Bài 1:

a, Thứ tự không gian: từ xa -> đến gần -> đến tận nơi -> đi xa dần.

b, Trình tự thời gian: sáng sớm -> về chiều -> buổi tối.

Bài 2: trình bày 2 ý:

- Khi đối thoại với bà cô: Hồng đau đớn, uất ức, căm tức những cô tục lạc hậu, thương mẹ.

- Khi được ở trong lòng mẹ: Hồng sung sướng, hạnh phúc.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	Tuần 2Tiết 7 : XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN
Hoạt động 1: Đọc văn bản: NGÔ TẮT TỐ VÀ TÁC PHẨM TẮT ĐÈN	<ol style="list-style-type: none">1.Cho biết văn bản Ngô tất tố và tác phẩm “Tắt đèn” chia làm mấy đoạn văn? Mỗi đoạn văn trình bày nội dung chính gì?2. Gạch chân trong đoạn văn thứ 1 của văn bản những từ ngữ làm nổi bật chủ đề của đoạn văn.3. Tìm câu chủ đề của đoạn văn 2.4. Dấu hiệu nhận biết đoạn văn là gì?

BÀI GHI CỦA HỌC SINH

CHỦ ĐỀ: TÍNH LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN TRỮ TÌNH.

Tuần 2Tiết 7: XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

I. Thế nào là đoạn văn?

**Ví dụ :*

- Văn bản: “Ngô Tất Tố và tác phẩm Tắt đèn”.

**Nhận xét:*

- Văn bản gồm 2 đoạn:

+ Đoạn 1: cuộc đời sự nghiệp Ngô Tất Tố, tác phẩm tiêu biểu.

+ Đoạn 2: Giới thiệu tóm tắt nội dung nghệ thuật tác phẩm Tắt đèn.

- Nội dung: Biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.

- Hình thức: Bắt đầu từ chỗ viết hoa -> xuống dòng.

**Ghi nhớ 1/ SGK.T34*

II. Từ ngữ và câu trong đoạn văn

1. Từ ngữ chủ đề và câu chủ đề của đoạn văn :

**Ví dụ :* Đoạn văn 1,2 mục I

- Đoạn 1: từ ngữ chủ đề là Ngô Tất Tố (ông, nhà văn)

- Đoạn 2: Câu chủ đề là :“Tắt đèn là tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố .

=> Từ ngữ chủ đề: các từ ngữ dùng làm đề mục hoặc các từ ngữ lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng.

- Câu chủ đề: mang nội dung khái quát, lời lẽ ngắn gọn, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.

2. Cách trình bày nội dung đoạn văn :

a./- Đoạn 1: Trình bày theo cách song hành.

- Đoạn 2: Trình bày theo cách diễn dịch.

b./Đoạn văn trình bày theo cách quy nạp.

* *Ghi nhớ 2,3: SGK.T34*

III. Luyện tập

Bài tập 1: 2 ý, mỗi ý bằng một đoạn.

Bài tập 2: Nêu cách trình bày đoạn:

- a-Trình bày theo cách diễn dịch
- b-Trình bày theo cách song hành.
- c-Trình bày theo cách song hành.

Bài tập 3: Viết đoạn văn có câu chủ đề: Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta” theo 2 cách: Quy nạp và diễn dịch.

(Học sinh viết vào tập)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 8	Tuần 2Tiết 8 : LIÊN KẾT CÁC ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN
Hoạt động 1: Đọc văn bản: TÔI ĐI HỌC-Thanh Tịnh	1. Khi chuyển từ đoạn văn này sang đoạn văn khác ta cần sử dụng phương tiện liên kết hay không? 2. Có mấy phương tiện dùng để liên kết các đoạn văn? Đó là những phương tiện nào?

BÀI GHI CỦA HỌC SINH

CHỦ ĐỀ: TÍNH LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN TRỮ TÌNH.

Tiết 8: LIÊN KẾT CÁC ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

I/Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản.

1/ Phân tích ngữ liệu:

*** Ví dụ 1:**

Hai đoạn văn cùng viết về ngôi trường Mĩ Lí → không có sự gắn kết với nhau.

- Đoạn 1: tả cảnh sân trường Mĩ Lí trong buổi tựu trường.

- Đoạn 2: nêu cảm giác của nhân vật “tôi” một lần ghé qua thăm trường.

***Ví dụ 2:**

Có thêm cụm từ “Trước đó mấy hôm”.

- Cụm từ :”trước đó mấy hôm” bổ sung ý nghĩa về thời gian, tạo sự liên tưởng cho người đọc với đoạn trước → tạo sự gắn kết chặt chẽ 2 đoạn văn, làm cho 2 đoạn văn liền mạch.

→ vậy cụm từ “Trước đó mấy hôm” chính là phương tiện liên kết 2 đoạn văn.

2/Nhận xét: Ghi nhớ 1: SGK.T53

II. Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản

1. Dùng từ ngữ để liên kết đoạn văn.

xét ví dụ:

a./ 2 khâu: tìm hiểu, cảm thụ.

- Từ ngữ liên kết: bắt đầu, sau.⇒ Quan hệ liệt kê:

- Trước hết, đầu tiên, cuối cùng, sau nữa, một mặt, mặt khác, một là, hai là, thêm vào đó, ngoài ra...

b./ Quan hệ đối lập :- “ Nhưng”- Nhưng, trái lại, tuy vậy, ngược lại, song , thế mà.

c./ Chỉ từ: đó, ấy ⇒ trước đó chỉ t/g đã xảy ra sự việc.

- Đại từ, chỉ, quan hệ từ → đc dùng làm phương tiện liên kết.

d. /Hai đoạn văn có ý nghĩa tổng kết, khái quát.

- Từ liên kết: “ nói tóm lại”.

⇒ có thể dùng quan hệ từ, đại từ, chỉ từ, từ có ý nghĩa tổng kết, khái quát → phương tiện liên kết.

2. Dùng câu để liên kết:

* Phân tích ngữ liệu:+ Nhận xét:- Câu: “ái dà, lại còn chuyện đi học nữa đấy”

→ liên kết 2 đoạn văn.- Vì nó nối ý giữa 2 đoạn văn → (đi học)

3. Ghi nhớ (SGK) T53.

III. Luyện tập

Bài tập 1: Từ ngữ có tác dụng liên kết đoạn văn, quan hệ ý nghĩa.

a. *Nói như vậy*: thay thế cho nội dung đoạn trên.

b. *Thế mà*: biểu hiện sự tương phản, đối lập.

c. - *Cũng*: nối đoạn 2 và 1, thể hiện ý liệt kê.

- *Tuy nhiên*: nối đoạn 3 và 2, thể hiện ý tương phản.

Bài tập 2 a. Từ đó ...b. Nói tóm lại, c.Tuy nhiên ... d.Thật khó trả lời.

....Hết....